

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 03-4-2023

*“V/v yêu cầu không công nhận
vợ chồng, chia tài sản chung,
đòi tài sản và huỷ đứng tên đồng
sở hữu quyền sử dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Thẩm phán:

1. Ông Trần Văn Quán.

2. Ông Nguyễn Văn Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi – Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 3 và ngày 03 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2023/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 về việc “tranh chấp yêu cầu không công nhận vợ chồng, chia tài sản chung, đòi tài sản và huỷ đứng tên đồng sở hữu quyền sử dụng đất”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2023/HNGĐ-ST ngày 17-01-2023 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương A, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 5/35D, Khóm 7, Phường X, thành phố Y, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông A đối với phần tài sản chung: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1977 (văn bản ủy quyền ngày 05/4/2021).

Địa chỉ: Số 20 đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường K, thành phố L, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Lương Thị Út B, sinh năm 1965.

Hộ khẩu thường trú: Ấp 1, xã M, huyện N, tỉnh Long An.

Địa chỉ tạm trú: Số 208 đường Huỳnh Châu Sở, Khu phố 5, thị trấn W, huyện N, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (gọi tắt Ngân hàng ViettinBank).

Địa chỉ: Số 234 đường Võ Công Tồn, thị trấn W, huyện N, tỉnh Long An.

3.2. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An.

Địa chỉ: Số 137 Quốc lộ 1A, Phường J, thành phố L, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Bùi Thanh C – Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện N:

(Văn bản uỷ quyền số 332/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 16/01/2023).

Người kháng cáo: Ông Trương A và bà Lương Thị Út B.

(Ông C, ông Sang, ông A và bà B có mặt tại phiên tòa; các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Trương A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương A và bà Lương Thị Út B chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới vào ngày 04/10/2014 nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn. Vợ chồng ông phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ tháng 8/2020 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa ông với con riêng của bà B có nhiều mâu thuẫn, từ đó ông và bà B cũng bất đồng trong cách cư xử và sinh hoạt hằng ngày. Ông xác định hiện nay không còn tình cảm gì với bà B nữa nên đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà B là vợ chồng.

- Về con chung: Ông và bà B không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông và bà B không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông xác định trước khi ông về chung sống như vợ chồng với bà B, thì bà B có cho ông mượn số tiền 55.000.000 đồng để ông kinh doanh riêng nên hiện nay hai bên không còn chung sống nữa, bà B yêu cầu ông trả số tiền này, thì ông đồng ý.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Minh C là người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của ông A xác định: Ông A và bà B chung sống có tạo lập được khối tài sản chung như sau:

+ Thừa đất số 31, tờ bản đồ số 15, diện tích 101m², loại đất ODT, đất tọa lạc tại Khu phố 5, thị trấn Bến Lức, huyện N, tỉnh Long An cùng tài sản gắn liền trên thửa đất là căn nhà 01 trệt 02 lầu, có diện tích xây dựng là 64,4m², diện tích sàn là 211m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 761926 và CV 761925 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà Lương Thị Út B và ông Trương A ngày 10/7/2020. Nguồn gốc nhà, đất nêu trên do ông A và bà

B nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy, ông Phạm Văn Phén giá thực tế là 1.600.000.000 đồng nhưng trong Hợp đồng thể hiện giá đất là 200.000.000 đồng, nhà có giá là 150.000.000 đồng. Hiện tại ông A cũng không có ý kiến gì về việc nhận chuyển nhượng nhà, đất của vợ chồng bà Thúy. Nguồn tiền để nhận chuyển nhượng do ông A và bà B mua bán kinh doanh bất động sản mà có. Sau khi nhận chuyển nhượng nhà, đất xong, ông A và bà B mới xin giấy phép xây số 48/GPXD-UBND ngày 27/6/2019 để xây nhà trên thửa đất như hiện nay với chi phí khoảng 02 tỷ đồng. Ông A yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị của thửa đất số 31, tờ bản đồ số 15, diện tích 101m², tọa lạc tại Khu phố 5, thị trấn Bến Lức, huyện N, tỉnh Long An cùng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản gắn liền trên thửa đất là căn nhà 01 trệt 02 lầu, có diện tích xây dựng là 64,4m², diện tích sàn là 211m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 761926 và CV 761925 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà Lương Thị Út B và ông Trương A ngày 10/7/2020.

+ Thửa đất số 621, tờ bản đồ số 3, diện tích 997.1m², loại đất SKC, đất tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện N, tỉnh Long An cùng tài sản gắn liền gồm: nhà trọ dãy (1), diện tích là 159,7m²; nhà trọ dãy (2), diện tích là 52,7m²; nhà trọ dãy (3), diện tích là 40,3m² được xây dựng trên thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 551169 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho bà Lương Thị Út B ngày 03/8/2015. Nguồn gốc phần đất này do ông A và bà B nhận chuyển nhượng từ ông Lý Đông Chấn, bà Nguyễn Thị Thơi vào năm 2015. Khi nhận chuyển nhượng thửa 621, trên đất đã có 17 căn nhà trọ cũ. Nguồn tiền nhận chuyển nhượng thửa đất này là do ông A, bà B kinh doanh bất động sản mà có. Đồng thời, ông A cũng có vay mượn thêm bên gia đình và bạn bè khoảng 600.000.000 đồng và bà B có vay từ Ngân hàng nên khi ông A chung sống với bà B phải cùng bà B trả tiền lãi cho Ngân hàng. Sau khi mua đất và nhà trọ xong, ông A và bà B sửa chữa nhà trọ và xây dựng thêm để kinh doanh. Hiện nay, trên thửa 621 có 03 dãy nhà trọ có 40 phòng đang cho thuê. Thửa đất này chỉ có cá nhân bà B đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là để cho bà B vay Ngân hàng cho thuận tiện, vì ông A và bà B không có đăng ký kết hôn. Ông A yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị của thửa đất số 621, tờ bản đồ số 3, diện tích 997.1m², loại đất SKC, đất tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện N, tỉnh Long An. Ông tự nguyện không yêu cầu chia giá trị của các căn nhà trọ (40 căn) gắn liền với thửa đất này. Bà B được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ các căn nhà trọ này. Tất cả giá trị 02 thửa đất, tài sản gắn liền trên đất được định giá theo Chứng thư thẩm định giá số 1183.2022.VT.HS ngày 24/10/2022 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Việt Tín thực hiện.

Riêng một chiếc xe ô tô hiệu Ford Everest biển kiểm soát 50Z-9157 do ông A đang đứng tên trên giấy đăng ký xe. Hiện nay, ông A đã bán chiếc xe ô tô này với giá 220.000.000 đồng, đã chi tiền hoa hồng cho người giới thiệu 20.000.000 đồng nên đồng ý trả lại cho bà B $\frac{1}{2}$ giá trị tiền bán xe là 100.000.000 đồng. Ngoài ra, ông A và bà B không có tài sản chung nào khác.

Qua ý kiến của Ngân hàng Viettinbank xác định bà B có vay nợ với số tiền là 350.000.000 đồng, ông A cũng biết nhưng không có ký tên cùng với bà B vào

Hợp đồng tín dụng và cũng không có ký tên vào hợp đồng thế chấp. Nay Ngân hàng không có yêu cầu độc lập trong vụ án, thì ông A cũng không có ý kiến gì. Ngoài ra, ông A không còn yêu cầu nào khác.

Theo đơn phản tố đề ngày 28/02/2022, bản tự khai ngày 12/11/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lương Thị Út B trình bày: Bà và ông A chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới vào ngày 04/10/2014 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Bà xác định bà và ông A không có con chung, không có nợ chung, không có tài sản chung. Khoảng từ tháng 8/2020, bà và ông A phát sinh mâu thuẫn, ông A đã bỏ nhà đi từ đó đến nay không có liên lạc gì với bà. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông A không hài lòng việc con riêng của bà có hành vi hút thuốc lá nên từ đó bà và ông A cự cãi nhau, bà và ông A không có mâu thuẫn gì lớn.

Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 15, diện tích 101m², loại đất ODT, đất tọa lạc tại Khu phố 5, thị trấn Bến Lức, huyện N, tỉnh Long An cùng tài sản gắn liền trên thửa đất là căn nhà 01 trệt 02 lầu, có diện tích xây dựng là 64,4m², diện tích sàn là 211m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 761926 và CV 761925 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà Lương Thị Út B và ông Trương A ngày 10/7/2020, là tài sản riêng của bà nhưng bà chỉ cho ông A đứng tên chung nhằm mục đích để ông A chung sống suốt đời với bà và để con riêng của bà không xem thường ông A. Nguồn gốc nhà đất tại thửa số 31 là do bà bán nhà và đất sau khi ly hôn với chồng cũ để nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy, ông Phạm Văn Phén giá thực tế là 1.600.000.000 đồng nhưng trong Hợp đồng thế hiện giá đất là 200.000.000 đồng, nhà có giá là 150.000.000 đồng. Hiện tại bà cũng không có ý kiến gì về việc nhận chuyển nhượng nhà, đất của vợ chồng bà Thúy. Sau khi nhận chuyển nhượng đất xong, bà mới xin giấy phép xây số 48/GPXD-UBND ngày 27/6/2019 để xây nhà trên đất.

Thửa đất số 621, tờ bản đồ số 3, diện tích 997.1m², loại đất SKC, đất tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện N, tỉnh Long An và công A nhà trọ gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 551169 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho bà Lương Thị Út B ngày 03/8/2015, là tài sản riêng của bà. Nguồn gốc thửa đất này do bà nhận chuyển nhượng của ông Lý Đông Chấn, bà Nguyễn Thị Thoi vào năm 2015 trên thửa đất có 17 căn nhà trọ cũ. Sau đó, bà có xây dựng thêm nên bà đang kinh doanh tổng cộng là 40 phòng trọ từ năm 2016 đến nay. Nguồn tiền nhận chuyển nhượng đất và xây cất nhà trọ thêm là do bà bán đất, cho thuê mặt bằng, rút tiền tiết kiệm và hốt hụi. Ông A không có đóng góp khoản tiền nào khi nhận chuyển nhượng thửa đất này. Trong thời gian bà xây cất nhà trọ, thỉnh thoảng ông A có tới trông coi thợ xây dựng. Đồng thời, trong thời gian chung sống bà cũng đã bỏ chi phí rất nhiều để lo cho ông A và gia đình của ông A.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông A, bà chỉ đồng ý với yêu cầu không công nhận bà và ông A là vợ chồng. Bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của ông A về việc yêu cầu chia tài sản chung tại các thửa đất số 31 và 621, vì đây là tài sản riêng của bà, ông A không có đóng góp khoản tiền nào vào việc tạo lập khối tài

sản này. Ngoài ra, bà Lương Thị Út B có yêu cầu phản tố như sau:

+ Hủy phần đứng tên đồng sở hữu của ông A đối với thửa đất số 31, tờ bản đồ số 15, diện tích 101m², tọa lạc tại Khu phố 5, thị trấn Bến Lức, huyện N, tỉnh Long An cùng tài sản gắn liền trên thửa đất là căn nhà 01 trệt 02 lầu, có diện tích xây dựng là 64,4m², diện tích sàn là 211m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 761926 và CV 761925 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà Lương Thị Út B và ông Trương A ngày 10/7/2020.

+ Buộc ông A phải trả lại cho bà giá trị chiếc xe ô tô hiệu Ford Everest biển kiểm soát 50Z-9157 do ông A đang đứng tên trên giấy đăng ký xe với số tiền là 200.000.000 đồng, vì chiếc xe này bà mua bằng tiền riêng của bà, bà chỉ cho ông A đứng tên chủ sử dụng.

+ Buộc ông A phải trả cho bà số tiền đã mượn là 55.000.000 đồng. Bà không yêu cầu buộc ông A trả cho bà số tiền đã vay là 100.000.000 đồng theo Đơn khởi kiện ngày 28/02/2022. Ngoài ra, bà không có trình bày hay yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trình bày:

Bà Lương Thị Út B có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Lức, huyện N theo Hợp đồng cho vay số 19 HNN/2019-HĐCV/NHCT704 ngày 25/12/2019 với số tiền là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), Ngân hàng đã giải ngân cho bà B theo Giấy nhận nợ ký ngày 31/12/2019, dư nợ đến ngày 28/11/2022 là 204.155.000 đồng. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng vay. Hiện tại, bà B vẫn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng cho vay tại Ngân hàng ViettinBank. Trong trường hợp, bà B vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng, thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bà Lương Thị Út B trong vụ án khác và xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng Tòa án. Ngoài ra, Ngân hàng không có ý kiến nào khác.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An có Văn bản ủy quyền số 332/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 16/01/2023 đã ủy quyền cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện N và có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên toà sơ thẩm, các đương sự thống nhất với kết quả đo đạc theo Mẫu trích đo địa chính số 95-2022 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện N duyệt ngày 07/9/2022 và Trích lục bản đồ địa chính ngày 19/10/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện N và Chứng thư thẩm định giá số 1183.2022.VT.HS ngày 24/10/2022 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Việt Tín thực hiện và đề nghị Tòa án căn cứ vào các kết quả trên để giải quyết vụ án.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2023/HNGĐ-ST ngày 17-01-2023 của Tòa án nhân dân huyện N đã căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 165, điểm d, khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 14, 16, 33, 38, 53 và khoản 3 Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương A về việc “yêu cầu không công nhận vợ chồng, chia tài sản chung” đối với bà Lương Thị Út B.

2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trương A và bà Lương Thị Út B là vợ chồng.

3. Về con chung: Ông Trương A và bà Lương Thị Út B không có con chung.

4. Về tài sản chung:

4.1. Bà Lương Thị Út B có nghĩa vụ bồi hoàn cho ông Trương A $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất số 31, tờ bản đồ số 15, diện tích 101m², loại đất ở đô thị (ODT), đất tọa lạc tại Khu phố 5, thị trấn Bến Lức, huyện N, tỉnh Long An cùng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản gắn liền trên thửa đất là căn nhà 01 trệt 02 lầu, có diện tích xây dựng là 64,4m², diện tích sàn là 211m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 761926 và CV 761925 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà Lương Thị Út B và ông Trương A ngày 10/7/2020 với số tiền là 1.868.568.855 đồng (một tỷ tám trăm sáu mươi tám triệu năm trăm sáu mươi tám ngàn tám trăm năm mươi lăm đồng).

4.2. Bà Lương Thị Út B được toàn quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 31, tờ bản đồ số 15, diện tích 101m², loại đất ODT, đất tọa lạc tại Khu phố 5, thị trấn Bến Lức, huyện N, tỉnh Long An cùng tài sản gắn liền trên thửa đất là căn nhà 01 trệt 02 lầu, có diện tích xây dựng là 64,4m², diện tích sàn là 211m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 761926 và CV 761925 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà Lương Thị Út B và ông Trương A ngày 10/7/2020 và thửa đất số 621, tờ bản đồ số 3, diện tích 997.1m², loại đất SKC, đất tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện N, tỉnh Long An cùng tài sản gắn liền gồm: nhà trọ dãy (1), diện tích là 159,7m²; nhà trọ dãy (2), diện tích là 52,7m²; nhà trọ dãy (3), diện tích là 40,3m² được xây dựng trên thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 551169 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho bà Lương Thị Út B ngày 03/8/2015 theo Mẫu trích đo địa chính số 95-2022 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện N duyệt ngày 07/9/2022 và Trích lục bản đồ địa chính ngày 19/10/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện N (được đính kèm theo Bản án).

Bà Lương Thị Út B có trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng diện tích đất thực tế được chia theo quy định pháp luật đất đai.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Lương Thị Út B đối với ông Trương A.

Buộc ông Trương A phải hoàn trả cho bà Lương Thị Út B $\frac{1}{2}$ giá trị tiền bán xe ô tô hiệu Ford Everest biển kiểm soát 50Z-9157 là 100.000.000 đồng và số tiền đã mượn là 55.000.000 đồng, tổng cộng là 155.000.000 đồng (một trăm năm

mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trong vụ án này, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

6. Về chi phí đo đạc, định giá và xem xét thẩm định tại chỗ tổng cộng 42.900.000 đồng, ông A, bà B mỗi người phải chịu là 21.450.000 đồng. Do ông A đã nộp tạm ứng chi phí đo đạc định giá, bà B đã nộp tạm ứng là 15.000.000 đồng nên bà B có trách nhiệm hoàn lại cho ông A là 6.450.000 đồng (sáu triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

7. Về án phí sơ thẩm:

7.1. Ông Trương A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; án phí chia tài sản là 68.057.066 đồng; án phí trả tiền cho bà B là 7.750.000 đồng và án phí không chấp nhận yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất số 621 là 71.676.436 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông A đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002779 và số tiền 19.500.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002778 cùng ngày 27/4/2021. Ông A còn phải nộp tiếp số tiền là 127.983.502 đồng (một trăm hai mươi bảy triệu chín trăm tám mươi ba ngàn năm trăm lẻ hai đồng)

7.2. Bà Lương Thị Út B phải chịu án phí chia tài sản là 68.057.066 đồng; án phí yêu cầu đòi lại giá trị chiếc xe không được chấp nhận là 5.000.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp là 5.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008595 và số tiền là 1.375.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008596 cùng ngày 08/3/2022. Bà B còn phải nộp tiếp số tiền là 66.682.066 đồng (sáu mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi hai ngàn không trăm sáu mươi sáu đồng). Tất cả các Biên lai thu tiền nêu trên tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 18/01/2023, bà Lương Thị Út B kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với lý do: Bà nhận thấy bản án dân sự sơ thẩm xét xử ngày 17/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện N tuyên xử như vậy là thiếu khách quan, chưa xem xét hết các tình tiết của vụ án, không phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Chính vì vậy, để đảm bảo quyền lợi chính đáng của bà trong vụ án này, nay bà làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương A đối với phần tài sản chung; đồng thời chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà.

Ngày 31/01/2023, ông Trương A kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung đối với thửa đất 621, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã M, huyện N, tỉnh Long An.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút kháng cáo; bị đơn không rút phản tố, không rút kháng cáo và các đương sự tranh luận như sau:

- Ông Nguyễn Minh C đại diện theo uỷ quyền của ông Trương A về phần tài sản tranh luận:

+ Đối với phần đất số 31, tờ bản đồ số 15, diện tích 101m², loại đất ODT, đất tọa lạc tại Khu phố 5, thị trấn Bến Lức, huyện N, tỉnh Long An cùng tài sản gắn liền trên thửa đất là căn nhà 01 trệt 02 lầu do ông A đứng tên đồng sở hữu tài sản này và lúc mua ông A cũng có góp số tiền 400.000.000 đồng vào tổng số 1.600.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng đất và xây dựng nhà. Phần tiền còn lại lấy từ tiền kinh doanh nhà trọ để mua. Quá trình xây dựng ông A cũng là người đứng ra trông coi, quản lý tài sản nên ông A yêu cầu được hưởng $\frac{1}{2}$ và lấy giá trị, giao hiện vật lại cho bà B.

+ Đối với thửa đất số 621, tờ bản đồ số 3, diện tích 997,1m², đất tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện N, tỉnh Long An, ông A yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ giá trị đất (không tính tài sản trên đất), ông A có công đóng góp vào phần tài sản này được chứng minh qua lời khai của các nhân chứng, các giấy tờ mua vật liệu xây dựng đã cung cấp tại Tòa án cấp sơ thẩm. Mặt khác, những người bán đất cũng có thừa nhận là quá trình mua bán đất cũng có ông A tham gia do vậy đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị đất cho ông A, trong trường hợp Tòa cấp phúc thẩm không chấp nhận thì đề nghị được xem xét phần công sức đóng góp của ông A làm tăng giá trị tài sản; đối với nhà trên đất thì ông A không yêu cầu.

- Ông Trương A tranh luận: Trong quá trình ông sống chung Chót không có đăng ký kết hôn. Ông có hùn số tiền số tiền 400.000.000 đồng vào tổng số 1.600.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng đất và xây dựng nhà tại thửa đất số 31; đồng thời ông cũng có góp 250.000.000 đồng mua nhà, đất tại thửa đất số 621 nêu trên nên ông yêu cầu chia đôi các tài sản này.

- Bà Lương Thị Út B tranh luận:

+ Bà không đồng ý với yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất số 621 vì toàn bộ là bà mua bằng tiền riêng của bà, còn xét về công sức đóng góp thì ông A cũng không có làm gì mọi việc do bà thuê thầu làm hết.

+ Phần thửa đất số 31 bà chỉ đề cho ông A đứng tên chung trên giấy chứng nhận chứ toàn bộ tiền do bà bỏ ra để nhận chuyển nhượng đất và xây dựng nhà. Nếu chia tài sản này thì yêu cầu ông A chia đôi phần nợ với bà, nợ hiện nay là 1.500.000.000 đồng. Ông A cho rằng lấy tiền kinh doanh nhà trọ để mua tài sản này là không đúng vì lúc đó kinh doanh nhà trọ không có lợi nhuận. Bên cạnh đó, ông A rất hay về thăm gia đình, cách hai tháng đi một lần, mỗi lần đi bà đưa cho 10.000.000 đồng. Ngoài ra, bà còn phải chăm sóc mẹ ông A. Việc bà cho ông A đứng tên chung là do ông A năn nỉ bà để cho ông đứng tên chung cho con riêng của bà không coi thường ông A; đồng thời ông A hứa sống cùng bà, lo lắng, chăm sóc bà suốt đời nên bà mới để ông A đứng tên cùng. Ông A xin đứng tên chung cả hai thửa đất nhưng bà chỉ cho đứng chung một thửa số 31.

+ Về phần xe ô tô hiệu Ford Everest thì lúc bà mua là 400.000.000 đồng là tiền riêng bà và để cho ông A đứng tên nếu bán thì yêu cầu ông A trả lại cho bà 200.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

+ Đối với kháng cáo của bà Lương Thị Út B:

Về số tiền 200.000.000 đồng là giá trị của chiếc xe ô tô hiệu Ford Everest BKS 50Z-9157 do ông A đứng tên: Bà B cho rằng chiếc xe ô tô hiệu Ford Everest BKS 50Z-9157 được mua bằng tiền riêng của bà B, chỉ nhờ ông A đứng tên sử dụng, tuy nhiên bà B không đưa ra được chứng cứ để chứng minh; đồng thời ông A cũng không thừa nhận nên không có cơ sở để xác định đây là tài sản riêng của bà B. Ông A đồng ý chia lại cho bà B 1/2 giá trị của chiếc xe ô tô là 100.000.000 đồng là phù hợp.

Về phần nhà và đất tại thửa số 31: Bà B và ông A cùng đứng tên sử dụng đất và cùng sở hữu tài sản gắn liền với thửa đất số 31 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 761926 và CV 761925 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà B và ông A ngày 10/7/2020. Bà B cho rằng nhà và đất trên là tài sản riêng của bà, tuy nhiên ông A không thừa nhận và phía bà B cũng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh nên không căn cứ để hủy phần đứng tên đồng sở hữu của ông A đối với thửa đất trên. Do đó, có cơ sở để xác định nhà, đất tại thửa số 31 là tài sản chung thuộc đồng sở hữu chung theo phần của bà B và ông A. Do các bên không chứng minh được phần công sức đóng góp của mình trong việc tạo lập tài sản chung nên cần chấp nhận yêu cầu của ông A về việc chia đôi giá trị tài sản này.

+ Đối với kháng cáo của ông Trương A: Về thửa đất số 621 do bà B đứng tên riêng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 621 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX551169 do UBND huyện N cấp cho bà B ngày 03/8/2015. Bà B trình bày nguồn gốc phần đất này do bà B nhận chuyển nhượng của ông Lý Đông Chấn, bà Nguyễn Thị Thơi vào năm 2015. Mặc dù, quyền sử dụng đất này hình thành trong thời gian ông A và bà B chung sống với nhau như vợ chồng. Theo quy định tại Điều 14, khoản 1 Điều 33 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì *“quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng”*. Tại bản tự khai ngày 08/12/2022 của ông Lý Đông Chấn là chủ sử dụng thửa đất 621 cũng xác định: *“...Khi đến Văn phòng công chứng ký chuyển nhượng thì bà B là người ký trực tiếp với tôi....”*. Mặt khác, ông A cho rằng đây là tài sản chung của ông A và bà B nhưng ông A để cho bà B

đứng tên riêng nhằm thuận tiện cho việc bà B vay tại Ngân hàng nhưng ông A không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Kháng cáo của ông A về chia đôi tài sản là không có căn cứ, tuy nhiên để giải quyết toàn diện vụ án cần xem xét phần công sức đóng góp cho việc tạo lập tài sản cho ông A.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trương A; không chấp nhận kháng cáo bà Lương Thị Út B; căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Trương A và bà Lương Thị Út B kháng cáo trong thời hạn luật định là hợp lệ, đúng thủ tục tố tụng nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Nguyên đơn và bị đơn có nơi cư trú tại huyện N, tỉnh Long An; đồng thời phần đất tranh chấp tọa lạc tại xã M và thị trấn Bến Lức, huyện N, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Đại diện Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (gọi tắt Ngân hàng ViettinBank) và đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An đã có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử, không hoãn phiên toà.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Tại phiên toà, bà Lương Thị Út B và ông Trương A thống nhất khai rằng, sau thời gian quen biết hai bên tổ chức lễ cưới vào ngày 04/10/2014 và chung sống với nhau từ đó cho đến tháng 8/2020 thì không còn chung sống với nhau. Trong quá trình chung sống, ông A và bà Út không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình nên không được công nhận là vợ chồng hợp pháp. Vì vậy, tài sản được hình thành trong thời gian ông A và bà Út Chót chung sống với nhau không được xem là tài sản chung hợp nhất mà cần xem xét, đánh giá là tài sản riêng hoặc tài sản chung theo phần.

[2.2] Theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được Văn phòng công chứng Phương Nam chứng nhận số 3588, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/4/2019 thể hiện vợ chồng bà Nguyễn Thị Cẩm Thuý, ông Phạm Văn Phén chuyển nhượng cho bà Lương Thị Út B và ông Trương A phần đất thuộc thửa 31, tờ bản đồ số 15, diện tích 101m², loại đất ODT và nhà ở có diện tích xây dựng bằng diện tích sàn 14,82m², tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Bến Lức, huyện N, tỉnh Long An. Trên cơ sở đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Trương A và bà Lương Thị Út B đồng sử dụng, sở hữu số CR 493297, CR 493298 cùng ngày 09/5/2019 đối với phần nhà và đất nêu trên.

Sau đó, Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy phép xây dựng số 48/GPXD-UBND ngày 27/6/2019 cho ông Trương A và bà Lương Thị Út B để xây dựng

nhà ở trên thửa đất nêu trên. Sau khi xây dựng xong nhà ở, ông A và bà Út Chót cùng thực hiện thủ tục để được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Trương A và bà Lương Thị Út B đồng sử dụng đất và sở hữu nhà số CV 761926, CV 761925 cùng ngày 10/7/2020 đối với phần đất nêu trên và phần nhà có diện tích xây dựng 64,4m², diện tích sàn 211m².

Như vậy, nhà và đất tọa lạc tại thửa đất số 31 nêu trên là tài sản chung theo phần của ông A và bà B. Bà B kháng cáo cho rằng việc nhận chuyển nhượng đất và xây dựng nhà ở đều xuất phát từ nguồn tiền thuộc sở hữu riêng của bà nhưng không có tài liệu nào chứng minh. Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm ông A và người đại diện của ông A thừa nhận rằng ông A chỉ hùn vào 400.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng nhà, đất tại thửa đất số 31 nêu trên trong tổng số tiền nhận chuyển nhượng là 1.600.000.000 đồng. Như vậy, mặc dù nhà, đất nêu trên được xác định là tài sản chung nhưng phần đóng góp của bà B lớn hơn nhiều so với phần của ông A nên cần dành riêng cho bà B 20% giá trị nhà đất; phần còn lại chia đôi là tương xứng với phần đóng góp hình thành tài sản chung theo phần.

[2.3] Theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Văn phòng công chứng Bến Lức chứng nhận số 2186, quyền số 01-2015 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/6/2015 thể hiện vợ chồng ông Lý Đông Chấn, bà Nguyễn Thị Thơi chuyển nhượng cho bà Lương Thị Út B phần đất thuộc thửa 621, tờ bản đồ số 03, diện tích 997,1m², loại đất cơ sở sản xuất kinh doanh và nhà ở có diện tích xây dựng bằng diện tích sàn 252,7m², tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện N, tỉnh Long An. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 551169 ngày 03/8/2015 cho bà B đứng tên nhà và đất nêu trên.

Ông A không chứng minh được có đóng góp tiền vào việc nhận chuyển nhượng nhà và đất tại thửa 621 nêu trên nên Toà án cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản riêng của bà B là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên toà bà B thừa nhận rằng sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất 621 có tiến hành xây dựng thêm nhà trọ để cho thuê, ông A có trông coi việc xây dựng; đồng thời tại thời điểm nhận chuyển nhượng ông A, bà B còn thuận thảo, chưa phát sinh mâu thuẫn cho đến khi nhận chuyển nhượng đất năm 2019 và xây nhà trên đất tại thửa đất số 31 nêu trên vào năm 2020. Như vậy, trong thời gian từ 2015 (thời điểm nhận chuyển nhượng thửa đất 621) đến năm 2020, ông A cùng bà B quản lý, sử dụng, gìn giữ làm tăng giá trị tài sản nhà và đất tại thửa đất số 621 nên cần tính công sức đóng góp của ông A vào khối tài sản này tương ứng với 05% giá trị tài sản là phù hợp với thực tế khách quan.

[2.4] Tại phiên toà sơ thẩm, ông A xác định “*không có yêu cầu công sức đóng góp để xây dựng các căn nhà trọ*” nhưng Toà án cấp sơ thẩm không tính công sức của ông A vào việc gìn giữ, tôn tạo, làm tăng giá trị đối với thửa đất 621 là không thiếu sót.

[2.5] Đối với xe ô tô hiệu Ford Everest BKS 50Z-9157 bà B thừa nhận do ông A đứng tên nên thuộc quyền sở hữu của ông A. Ông A đã bán với giá

200.000 đồng và đồng ý chia lại cho bà B 100.000.000 đồng là có lợi cho bà B. Do đó, việc kháng cáo của bà B về việc yêu cầu ông A trả lại giá trị xe với số tiền 200.000.000 đồng là không có cơ sở.

[2.6] Tại phiên toà phúc thẩm, bà B có đặt ra vấn đề nợ chung để yêu cầu ông A cùng có nghĩa vụ trả nợ nhưng không có tài liệu nào chứng minh; đồng thời cũng không có ai yêu cầu ông A, bà B thanh toán khoản nợ chung nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[2.7] Từ căn cứ trên, dựa vào Chứng thư thẩm định giá số 1183.2022.VT.HS ngày 24/10/2022 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Việt Tín thì đất và nhà tại thửa đất số 31 có giá 2.512.375.000 đồng + 1.224.762.708 đồng = 3.737.137.708 đồng x 20% = 747.427.541 đồng.

Thửa đất 621 có giá: 3.978.429.000 đồng x 5% = 198.921.450 đồng.

Vì vậy, bà B có nghĩa vụ thôi hoàn cho ông A tổng số tiền 1.693.776.533 đồng (2.989.710.167 đồng : 2 = 1.494.855.083 + 198.921.450 đồng = 1.693.776.533 đồng); đồng thời bà B có quyền sử dụng, sở hữu đối với nhà, đất tại thửa 31, 621 nêu trên.

Từ đó thấy rằng, kháng cáo của ông A Chót và bà Lương Thị Út B có cơ sở chấp nhận một phần; lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ nên chấp nhận một phần.

[3] Về án phí sơ thẩm: Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của ông A đối với thửa đất số 621 nêu trên nhưng buộc ông A chịu án phí là chưa đúng quy định tại điểm a khoản 7 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội có quy định *“Khi các bên đương sự không xác định được phần tài sản của mình hoặc mỗi người xác định phần tài sản của mình trong khối tài sản chung, phần di sản của mình trong khối di sản thừa kế là khác nhau và có một trong các bên yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, di sản thừa kế đó thì mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia, được hưởng trong khối tài sản chung hoặc trong khối di sản thừa kế. Đối với phần Tòa án bác đơn yêu cầu thì người yêu cầu chia tài sản chung, di sản thừa kế không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trường hợp Tòa án xác định tài sản chung, di sản thừa kế mà đương sự yêu cầu chia không phải là tài sản của họ thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch”*

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông A và bà B không phải chịu theo Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Các khoản khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị sẽ có hiệu lực sau khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 293, 296 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trương A.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lương Thị Út B.

Sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2023/HNGĐ-ST ngày 17-01-2023 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 165, Điều 147, 147, điểm d, khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 14, 16, 33, 38, 53 và khoản 3 Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương A về việc “yêu cầu không công nhận vợ chồng, chia tài sản chung” đối với bà Lương Thị Út B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trương A và bà Lương Thị Út B là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông Trương A và bà Lương Thị Út B không có con chung.

[4] Về tài sản chung:

[4.1] Buộc bà Lương Thị Út B có nghĩa vụ bồi hoàn cho ông Trương A số tiền 1.693.776.533 đồng (một tỷ, sáu trăm chín mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn, năm trăm ba mươi ba đồng).

[4.2] Bà Lương Thị Út B được toàn quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 31, tờ bản đồ số 15, diện tích 101m², loại đất ODT, đất tọa lạc tại Khu phố 5, thị trấn Bến Lức, huyện N, tỉnh Long An cùng tài sản gắn liền trên thửa đất là căn nhà 01 trệt 02 lầu, có diện tích xây dựng là 64,4m², diện tích sàn là 211m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 761926 và CV 761925 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà Lương Thị Út B và ông Trương A ngày 10/7/2020 và thửa đất số 621, tờ bản đồ số 3, diện tích 997.1m², loại đất SKC, đất tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện N, tỉnh Long An cùng tài sản gắn liền gồm: nhà trọ dãy (1), diện tích là 159,7m²; nhà trọ dãy (2), diện tích là 52,7m²; nhà trọ dãy (3), diện tích là 40,3m² được xây dựng trên thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 551169 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho bà Lương Thị Út B ngày 03/8/2015 theo Mảnh trích đo địa chính số 95-2022 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện N duyệt ngày 07/9/2022 và Trích lục bản đồ địa chính ngày 19/10/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện N (được đính kèm theo Bản án).

Bà Lương Thị Út B có trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng diện tích đất thực tế được chia theo quy định pháp luật đất đai.

[4.3] Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Lương Thị Út B đối với

ông Trương A.

Buộc ông Trương A phải hoàn trả cho bà Lương Thị Út B $\frac{1}{2}$ giá trị tiền bán xe ô tô hiệu Ford Everest biển kiểm soát 50Z-9157 là 100.000.000 đồng và số tiền đã mượn là 55.000.000 đồng, tổng cộng là 155.000.000 đồng (một trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trong vụ án này, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[5] Về chi phí đo đạc, định giá và xem xét thẩm định tại chỗ tổng cộng 42.900.000 đồng, ông A, bà B mỗi người phải chịu là 21.450.000 đồng. Do ông A đã nộp tạm ứng chi phí đo đạc định giá, bà B đã nộp tạm ứng là 15.000.000 đồng nên bà B có trách nhiệm hoàn lại cho ông A là 6.450.000 đồng (sáu triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

[6] Về án phí sơ thẩm:

[6.1] Buộc ông Trương A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; án phí chia tài sản là 62.813.296 đồng; án phí trả tiền cho bà B là 7.750.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông A đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002779 và số tiền 19.500.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002778 cùng ngày 27/4/2021. Ông A còn phải nộp tiếp số tiền là 51.063.000 đồng.

7.2. Bà Lương Thị Út B phải chịu án phí chia tài sản là 76.845.652 đồng; án phí yêu cầu đòi lại giá trị chiếc xe không được chấp nhận là 5.000.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp là 5.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008595 và số tiền là 1.375.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008596 cùng ngày 08/3/2022. Bà B còn phải nộp tiếp số tiền là 75.470.652 đồng.

Tất cả các Biên lai thu tiền nêu trên tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

[5] Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Hoàn lại cho ông Trương A 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009431 ngày 31/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Hoàn lại cho ông Lương Thị Út Chót 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009426 ngày 18/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

[6] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh